

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ XUÂN TRANG

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO
XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CỦA
BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phùng Trung Tập

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: KHÁI NIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG	6		
1.1. Khái niệm môi trường	6		
1.1.1. Khái niệm	6		
1.1.2. Đặc điểm môi trường	9		
1.2. Khái niệm trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường	11		
1.2.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường	11		
1.2.2. Đặc điểm của trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường	25		
1.3. Tiến trình phát triển của pháp luật một số nước trên thế giới và Việt Nam quy định về trách nhiệm so xâm phạm môi trường	34		
1.3.1. Pháp luật của một số nước trên thế giới về trách nhiệm bồi thường do xâm phạm môi trường	34		
1.3.2. Pháp luật Việt Nam quy định về trách nhiệm bồi thường do xâm phạm môi trường	37		
Chương 2: TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG	45		
2.1. Điều kiện phát sinh bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường	46		
2.1.1. Có thiệt hại xảy ra do môi trường bị xâm phạm	46		
2.1.2. Hành vi xâm phạm môi trường là hành vi trái pháp luật	48		
2.1.3. Có lỗi của chủ thể gây thiệt hại	56		
2.1.4. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm môi trường và thiệt hại xảy ra	57		
2.2.1. Trách nhiệm riêng rẽ	59		
2.2.2. Trách nhiệm liên đới	60		
2.3. Người phải bồi thường và người được bồi thường do xâm phạm môi trường	63		
2.3.1. Người phải bồi thường	63		
2.3.2. Người được bồi thường	66		
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	70		
3.1. Thực trạng pháp luật về bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường	70		
3.1.1. Nhận xét chung về thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường	70		
3.1.2. Đánh giá về một số vụ việc điển hình đã được giải quyết trong những năm gần đây	70		
3.1.3. Những vụ việc điển hình đang trong quá trình giải quyết	80		
3.2. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường	84		
3.2.1. Sự cần thiết tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường	84		
3.2.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật	84		
3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường	94		
3.2.3.1. Cần chi tiết hóa về xác định thiệt hại đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ô nhiễm môi trường	99		
3.2.3.2. Các biện pháp liên quan nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường có hiệu quả	103		
3.2.3.3. Một số vấn đề có thể phát sinh trong thời gian tới	108		
3.2.3.4. Giải pháp hoàn thiện	112		
KẾT LUẬN	115		

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ô nhiễm môi trường là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến đổi khí hậu trái đất, sự gia tăng khí thải trong quá trình sản xuất, công nghiệp đã làm thủng tầng ozone, gây nên hiệu ứng nhà kính, nước biển dâng lên cao gây ngập lụt ở nhiều thành phố, nhiều vùng đồng bằng rộng lớn có cốt đất thấp mà trong đó có hai đồng bằng là vừa lúa quan trọng nhất của nước ta đó là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Mối hiểm họa của ô nhiễm môi trường sống đối với con người từng ngày từng giờ hiện hiện rõ hơn. Nhiều con sông đã bị bức tử, nhiều thành phố không khí bị ô nhiễm nặng nề rất tai hại cho sức khỏe con người, cho hệ sinh thái của tự nhiên. Nhiều thành phố ô nhiễm không khí đã vượt quá sức báo động, nhiều con sông đã "chết" hẳn, mức độ ô nhiễm nguồn nước rất cao, không một thủy sinh nào có thể sống nổi. Hiện nay, chưa có tổng kết cụ thể nào về hậu quả của ô nhiễm môi trường sống đối với con người nhưng điều đó rõ ràng nhất là số nạn nhân bị các chứng bệnh ung thư, bệnh phổi, bệnh nhiễm các chất độc hóa học ngày càng gia tăng ở con người.

Vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại (BTTH) do xâm phạm môi trường tại Việt Nam là vấn đề còn rất mới cả từ phương diện lý luận và thực tiễn. Nhưng những hành vi xâm phạm môi trường đã diễn ra từ khá lâu và vẫn đang còn tiếp diễn hàng ngày, hàng giờ không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tài nguyên cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm trầm trọng... là hệ lụy từ những hành vi thiếu suy nghĩ của con người đã gây hại đến môi trường. Đây không còn là vấn đề riêng ở mỗi quốc gia mà nó trở thành vấn đề nan giải của toàn hành tinh, đòi hỏi các quốc gia phải liên kết, hợp tác với nhau để bảo vệ môi trường.

Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường; Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005, Quyết định QĐ 22/2006/QĐ-BVMT. Những văn bản quy phạm nói trên quy định một số vấn đề bảo vệ môi trường nói chung và trách nhiệm BTTH do xâm phạm

nói riêng khẳng định nhận thức một cách đầy đủ về những nội dung liên quan tới thiệt hại về môi trường, BTTH về môi trường là yếu tố quan trọng cho việc ban hành và áp dụng trách nhiệm này trong tương lai. Tuy nhiên, trong vấn đề lý luận và thực tiễn còn nhiều vấn đề bất cập, học viên chọn đề tài này vì những lý do sau:

1. Mong muốn được nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ những quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường.

2. Hiện nay, vấn đề về bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường còn nhiều bất cập về lý luận và thực tiễn áp dụng. Nghiên cứu vấn đề này một cách thấu đáo sẽ giúp cho việc nhận thức về môi trường, bảo vệ môi trường và xây dựng quy phạm về bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường đầy đủ, đúng đắn và hoàn chỉnh hơn, có hiệu quả thiết thực hơn trong cuộc sống.

3. Thông qua việc nghiên cứu thực tiễn, so sánh... sẽ giúp đưa ra những nhận xét và đề xuất phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Về trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường là một vấn đề mới mẻ cho nên tính đến thời điểm hiện nay nghiên cứu về vấn đề này còn chưa nhiều. Những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu về trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường còn thiếu vắng, tuy rằng đã có một số bài báo mang tính chất thông tin về nơi này nơi khác môi trường bị xâm phạm mà thực sự chưa rút ra được đặc điểm pháp lý và trách nhiệm pháp lý cụ thể trong việc bồi thường do môi trường bị xâm phạm. Ngoài ra, có một số luận văn tốt nghiệp chuyên ngành luật kinh tế về phí bảo vệ môi trường... và một số công trình khoa học khác nghiên cứu mang tính chất khái quát về vấn đề môi trường và hành vi xâm phạm môi trường phải kể đến là công trình của Tiến sỹ Phùng Trung Tập với tiêu đề **Bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường** đăng trên tạp chí Nhà nước và pháp luật số 01 năm 2010. Như vậy về trách nhiệm dân sự do

xâm phạm môi trường tính đến thời điểm hiện nay được nghiên cứu chưa nhiều. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và bảo vệ môi trường cũng như hậu quả do môi trường xâm phạm gây ra những thiệt hại lớn cho cuộc sống con người ở Việt Nam trong thời gian qua đã minh chứng điều đó. Việc nghiên cứu đề tài đã thật sự mang tính cấp thiết nó vừa đáp ứng được đòi hỏi của xã hội về mặt lý luận và thực tiễn. Do vậy, học viên chọn đề tài "**Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005**" để nghiên cứu làm luận văn Thạc sỹ luật học đáp ứng những đòi hỏi của xã hội trong giai đoạn hiện nay và mai sau.

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Ngoài phương pháp duy vật lịch sử, duy vật biện chứng học viên còn sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp và phương pháp so sánh để nghiên cứu.

4. Mục đích nghiên cứu đề tài

Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý cũng như cơ sở lý luận, thực tiễn của vấn đề BTTH do xâm phạm môi trường. Trong nội dung trình bày, học viên sẽ đưa ra những nhận xét, đánh giá về lý luận và thực tiễn áp dụng vấn đề nêu trên. Qua đó nêu lên những kiến nghị có thể hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường ở nước ta.

5. Tính mới của việc nghiên cứu đề tài

- Luận văn thạc sỹ đầu tiên khái quát một cách có hệ thống cơ sở lý luận về một loại trách nhiệm cụ thể "**Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường theo quy định của Bộ luật dân sự 2005**". Luận văn đóng góp vào lý luận trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng các khái niệm môi trường theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, khái niệm trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường...

Trong hoàn cảnh hiện tại việc nhận thức và ý thức chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường còn kém khiến tình hình xâm phạm môi trường diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng gây thiệt hại lớn về

tính mạng, sức khỏe của con người, gây thiệt hại lớn về tài sản, ô nhiễm môi trường... do đó, luận văn góp phần tìm những nguyên nhân, điều kiện của các vụ xâm phạm môi trường, dự báo tình hình xâm phạm môi trường trong những năm tới. Đồng thời, luận văn góp phần giải quyết một cách có hệ thống những vướng mắc xung quanh chế định BTTH do xâm phạm môi trường.

- Trên cơ sở lý luận chung về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng, luận văn làm rõ về mặt lý luận, cơ sở pháp lý của trách nhiệm BTTH do xâm phạm môi trường.

- Xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn gắn với việc nghiên cứu hoàn chỉnh về mặt lý luận, trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, của BLDS hiện hành, luận văn đưa ra các kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng nói chung và BTTH do xâm phạm môi trường nói riêng. Những kiến nghị, giải pháp này có thể tham khảo trong việc xây dựng các văn bản hướng dẫn việc giải quyết BTTH ngoài hợp đồng nói chung và BTTH do hành vi xâm phạm môi trường nói riêng.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về việc giữ gìn bảo vệ môi trường và làm tài liệu tham khảo trong việc biên soạn giáo trình cũng như giảng dạy tại các cơ sở đào tạo bậc cao đẳng, đại học về chuyên ngành luật dân sự và làm tài liệu tham khảo cho các Viện nghiên cứu về khoa học pháp lý.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái niệm môi trường và trách nhiệm do xâm phạm môi trường

Chương 2: Trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường

Chương 3: Thực trạng pháp luật về bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường và giải pháp hoàn thiện.

Chương 1

KHÁI NIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái niệm môi trường

1.1.1. Khái niệm

Xung quanh khái niệm môi trường, hiện có rất nhiều quan điểm khác nhau của các nhà khoa học, các tổ chức nghiên cứu ở trong nước và trên thế giới. Theo khoản 1, Điều 3 Luật bảo vệ môi trường được Nhà nước ban hành năm 2003 thì "*Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật*".

Quan điểm trên nhấn mạnh yếu tố mang tính bản chất của môi trường bao gồm các yếu tố bao quanh con người. Môi trường là một khái niệm rất rộng bao hàm ba yếu tố là môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và môi trường xã hội.

1.1.2. Đặc điểm môi trường

Thứ nhất, Môi trường là sinh quyển, sinh thái cần thiết cho sự sống tự nhiên của con người, bao gồm không khí, nguồn nước, đất, cây cối, rừng và sinh vật.

Thứ hai, Môi trường là nơi chứa đựng, cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người.

Thứ ba, Môi trường là nơi chứa đựng chất phế thải của quá trình sinh hoạt trong cuộc sống của con người và của quá trình sản xuất.

Thứ tư, Môi trường là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên trái đất

Thứ năm, Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

1.2. Khái niệm trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường

1.2.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường

Hiện nay, thế giới quan niệm có hai loại ô nhiễm môi trường:

Một là loại ô nhiễm do thừa thải của cải tại các nước có thu nhập cao hoặc tầng lớp giàu có trong các nước có thu nhập trung bình hoặc thấp.

Loại ô nhiễm này thể hiện ở việc sử dụng quá nhiều nguyên liệu và năng lượng vào sản xuất, sự tiêu xài quá mức trong đời sống... đã gây lãng phí to lớn về mặt môi trường.

Hai là loại ô nhiễm xảy ra khá phổ biến là loại ô nhiễm do đói nghèo, do người dân không có vốn liếng, không tài sản, không công cụ sản xuất, nên con đường kiếm sống độc nhất của họ là khai thác với kỹ thuật thô sơ các tài nguyên thiên nhiên mà chưa bị ai chiếm hữu, hoặc sở hữu chưa được chặt chẽ gây ra.

Tại Việt Nam, tính từ thời điểm Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) 2005 được ban hành, đặc điểm của ô nhiễm môi trường là những thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra được xác định theo quan niệm thứ hai. Theo quy định tại Điều 131 Luật BVMT 2005, có 2 loại thiệt hại:

Thứ nhất, thiệt hại đối với môi trường tự nhiên. Đó là sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường, trong đó chức năng, tính hữu ích của môi trường được thể hiện qua các phương diện chính như sau:

+ Môi trường là không gian sinh tồn của con người;

+ Môi trường là nơi cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học (kể cả vật liệu, năng lượng, thông tin cần thiết cho cuộc sống và hoạt động của con người);

+ Môi trường là nơi chứa đựng và tiêu hủy chất thải do con người thải ra trong các hoạt động của mình.

Thứ hai, thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

1.2.2. Đặc điểm của trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường

Trách nhiệm hiểu theo nghĩa chung nhất là "*điều phải làm, phải gánh vác, phải nhận lấy về mình*". Xung quanh vấn đề này có rất nhiều ý kiến, tuy nhiên, tất cả đều hướng tới một nguyên tắc thống nhất: "*Người gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại*". Từ BLDS Pháp, Thái Lan, Nhật Bản đến BLDS Việt Nam 2005 (Điều 604) đều quy định và được hiểu là hình thức trách nhiệm dân sự mang tính tài sản áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại nhằm bù đắp những tổn thất về vật chất

và tinh thần cho bên bị thiệt hại. Theo Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005, trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường có những đặc điểm sau:

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một loại trách nhiệm dân sự.
- Cơ sở phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là sự vi phạm nghĩa vụ.
- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể do luật định hoặc do các bên tự thỏa thuận áp dụng.
- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được thực hiện bởi người gây thiệt hại nhưng cũng có thể được thực hiện bởi người khác.
- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là trách nhiệm tài sản
- Giới hạn bồi thường
- Về phương diện thẩm quyền tố tụng
- Một khác biệt về ý nghĩa: Trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng mang tính phòng ngừa XH.

Tóm lại, BTTH do ô nhiễm môi trường tại Việt Nam là vấn đề còn rất mới cả từ phương diện lý luận và thực tiễn. Nhận thức một cách đầy đủ về những nội dung liên quan tới thiệt hại về môi trường, BTTH về môi trường là yếu tố quan trọng cho việc ban hành và áp dụng trách nhiệm này trong tương lai.

1.3. Tiến trình phát triển của pháp luật một số nước trên thế giới và Việt Nam quy định về trách nhiệm do xâm phạm môi trường

1.3.1. Pháp luật của một số nước trên thế giới về trách nhiệm bồi thường do xâm phạm môi trường

- *Giai đoạn thứ nhất*: Thời kỳ cổ đại gắn liền với chế độ tư nhân phục thù.
- *Giai đoạn thứ hai*: Thời kỳ trung đại, trách nhiệm tài sản trong bồi thường đã được quy định cụ thể ở giai đoạn này. Một người gây thiệt hại cho người khác, việc bồi thường có thể thực hiện bằng việc nộp một số tiền, kim loại có giá (vàng, bạc, kim cương, châu ngọc...) để chuộc lỗi, tránh bị nạn nhân kiện cáo, trả thù.
- *Giai đoạn thứ ba*: Thời kỳ hiện đại, Bộ máy nhà nước cũng như các chế định pháp luật đã hoàn thiện, đồng bộ, có sự phân biệt rạch ròi về trách nhiệm hình sự, dân sự, hành chính,...

Trên thế giới, tiến trình phát triển của pháp luật một số nước quy định về trách nhiệm do xâm phạm môi trường cho thấy tính riêng biệt của lĩnh vực pháp lý này. Ở Mỹ, nơi có sự xuất hiện luật môi trường sớm nhất, nơi có các án lệ liên quan đến việc bồi thường do gây ô nhiễm. Vụ Boomer kiện Công ty Xi măng Atlantic và Vụ Missouri kiện Holand là những ví dụ. Australia cũng là quốc gia có sự phát triển đáng lưu ý về lĩnh vực luật môi trường. Một số nước khác như Singapore, Phillipine cũng đều chú trọng phát triển luật môi trường không chỉ ở phương diện lập pháp mà cả ở phương diện khoa học và đào tạo.

1.3.2. Pháp luật Việt Nam quy định về trách nhiệm bồi thường do xâm phạm môi trường

Trong lịch sử phát triển của Việt Nam, chế độ phong kiến và thời kỳ Pháp thuộc (1858 - 1945) trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không được quy định. Năm 1945, Cách mạng Tháng 8 thành công, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cũng chưa được quy định như là một chế định trong pháp luật.

Bắt đầu từ Hiến pháp năm 1959, quyền được bồi thường của người dân đã được ghi nhận tại Điều 29. Ngày 23 tháng 3 năm 1972 Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 173/UBTP hướng dẫn xét xử về BTTH ngoài hợp đồng. Hiến pháp 1980, tiếp tục khẳng định quyền được bồi thường của người bị thiệt hại tại Điều 73. Nhằm tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, tôn trọng tối cao các quyền công dân, Hiến pháp năm 1992 quy định tại Điều 72 và Điều 74 có quy định về BTTH. BLDS năm 1995 đã dành một chương quy định TNDS BTTH ngoài hợp đồng (chương V). BLDS năm 2005 tiếp tục kế thừa các quy định về BTTH do cán bộ, công chức và người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra trong BLDS năm 1995. Cụ thể, Điều 619 quy định về BTTH do cán bộ, công chức gây ra, Điều 620 quy định về BTTH do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005).Pháp lệnh xử phạt VPHC 1989 quy định tại Điều 40; Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 1995 và Pháp lệnh xử lý VPHC năm 2002

(được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), Luật BVMT năm 1993, Luật BVMT năm 2005 quy định trường hợp gây thiệt hại cho môi trường thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003, Điều 263 BLDS năm 2005 quy định về trách nhiệm chấm dứt hành vi VPPL bảo vệ môi trường, Trách nhiệm BTTH do hành vi gây sự cố môi trường, suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường do chủ thể gây ra dù có lỗi hay không có lỗi đều phải bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 624 BLDS năm 2005. Ngoài các căn cứ pháp lý nói trên, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm môi trường còn được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác như Bộ luật Hàng hải 1990 (các điều 195, 196), Luật Khoáng sản 1996 (các điều 64, 65), Luật Tài nguyên nước 1998 (điều 71)...

Bên cạnh việc tích cực ban hành các VBPL liên quan đến bảo vệ môi trường, Việt Nam đã từng bước tham gia vào các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường.

Chương 2

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG

2.1. Điều kiện phát sinh bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường

2.1.1. Có thiệt hại xảy ra do môi trường bị xâm phạm

Về mặt lý luận gồm thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp. Thiệt hại thường là tổn thất thực tế được tính thành một khoản tiền do người có hành vi xâm phạm môi trường gây nên, có thể bao gồm những thiệt hại sau đây:

- Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm
- Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm
- Thiệt hại do tính mạng bị xâm hại

2.1.2. Hành vi xâm phạm môi trường là hành vi trái pháp luật

Hành vi trái pháp luật là những xử sự cụ thể của con người được thể hiện thông qua hành động hoặc không hành động trái với quy định của pháp luật. Trong trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng, hành vi trái pháp luật là những hành vi xâm hại tới tài sản, sức khỏe, tính mạng con người

được thể hiện dưới dạng hành động được quy định trong Luật BVMT và BLDS 2005.

2.1.3. Có lỗi của chủ thể gây thiệt hại

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trách nhiệm BTTH do hành vi làm ô nhiễm chỉ được loại trừ trong trường hợp người bị hại có lỗi. Điều này có nghĩa là trong trách nhiệm BTTH do làm ô nhiễm môi trường nếu người bị thiệt hại không có lỗi thì trách nhiệm bồi thường luôn luôn đặt ra đối với người làm ô nhiễm môi trường.

2.1.4. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm môi trường và thiệt hại xảy ra

Thiệt hại thực tế xảy ra là kết quả của hành vi vi phạm pháp luật hoặc nói một cách khác, hành vi vi phạm pháp luật là nguyên nhân của thiệt hại xảy ra.

2.2. Phân loại trách nhiệm dân sự do xâm phạm môi trường

2.2.1. Trách nhiệm riêng rẽ

Là trách nhiệm của nhiều người mà theo đó thì mỗi người có trách nhiệm chỉ phải chịu trách nhiệm đối với phần thiệt hại do mình gây ra và mỗi người trong số những người có quyền cũng chỉ có quyền yêu cầu người gây thiệt hại bồi thường những tổn thất mà mình phải gánh chịu.

2.2.2. Trách nhiệm liên đới

Là trách nhiệm của nhiều người mà theo đó thì mỗi người trong số những người có trách nhiệm phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiệt hại và mỗi người trong số những người có quyền đều có quyền yêu cầu người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ cho mình.

2.3. Người phải bồi thường và người được bồi thường do xâm phạm môi trường

2.3.1. Người phải bồi thường

Điều 606 Bộ luật dân sự 2005 quy định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân.

2.3.2. Người được bồi thường

Là người bị thiệt hại hoặc thân nhân của người bị thiệt hại. Qua quá trình nghiên cứu, theo dõi diễn biến một số vụ việc liên quan tới hành vi

xâm phạm môi trường của Công ty TNHH Vedan, vụ ô nhiễm môi trường ở Thạch Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ; Công ty TNHH San Miguel Pure Foods Việt Nam, vụ AB Mauri có thể nhận thấy rằng người được bồi thường ở đây chính là người nông dân. Một vấn đề được đặt ra là cần phân biệt *người được bồi thường* với *người có quyền yêu cầu bồi thường*.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO XÂM PHẠM MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.1. Thực trạng pháp luật về bồi thường thiệt hại do xâm phạm môi trường

3.1.1. Nhận xét chung về thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường

Trong những năm gần đây, có một số vụ việc về BTTH do làm ô nhiễm môi trường đã được giải quyết ở một số địa phương thông qua thương lượng, hoà giải. Trong các vụ việc này người thiệt hại hầu hết chỉ yêu cầu BTTH về tài sản, rất ít trường hợp yêu cầu BTTH về sức khoẻ và thiệt hại đối với môi trường hoàn toàn chưa được đề cập đến.

3.1.2. Đánh giá về một số vụ việc điển hình đã được giải quyết trong những năm gần đây

Vụ thứ 1: Tháng 3/2001, Công ty Dệt nhuộm Thế Hòa tỉnh Đồng Nai xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn quy định ra khu vực trồng lúa của dân làm ảnh hưởng đến năng suất lúa. Sau khi Hội đồng đền bù của huyện khảo sát đánh giá mức độ thiệt hại, quá trình thương lượng, hoà giải Công ty Thế Hòa phải đền bù cho dân 287 triệu đồng.

Vụ thứ 2: Tháng 11/2001 Công ty đường La Ngà tỉnh Đồng Nai xả nước thải chưa đạt tiêu chuẩn quy định ra khu vực nuôi cá bèo của dân làm cá chết hàng loạt. Sau khi định giá mức độ ô nhiễm, Hội đồng đền bù của huyện thống kê các hộ nuôi cá và số lượng cá, Công ty đồng ý hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại số tiền là 186.447.500 đồng.

Vụ thứ 3: Nhà máy cao su Xà Bang (thuộc Công ty Cao su Bà Rịa-Vũng Tàu) gây ô nhiễm môi trường kéo dài từ năm 1998, trung bình thải

1000m³/ngày đêm làm ô nhiễm nước sinh hoạt của 17 hộ gia đình. Nhà máy đã có biện pháp khắc phục nhưng không khắc phục được, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh tạm đóng cửa nhà máy 6 tháng. Sau khi đầu tư 10 tỉ, nhà máy xin phép hoạt động lại. Sau thời gian tạm đình chỉ hoạt động nhà máy đã tìm giải pháp cấp đất mới cho các hộ dân cư chuyển đi nơi khác sinh sống.

Vụ thứ 4: Công ty cổ phần hữu hạn Vedan có trụ sở đặt tại xã Phước Thái, Long Thành, tỉnh Đồng Nai, nằm liền kề với sông Thị Vải với 100% vốn của Tập đoàn các xí nghiệp liên hợp Vedan Đài Loan. Từ khi hoạt động đến năm 2008, nhiều cơ quan chức năng đã phải vào cuộc để "thăm khám sức khỏe" dòng sông Thị Vải bởi ý kiến của người dân về Công ty Vedan xả thải chưa qua xử lý làm nhiễm độc môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sức khỏe và thiệt hại kinh tế của người dân quanh lưu vực dòng sông này.

Sau thời gian gần 02 năm tranh luận về việc bồi thường giữa Công ty Vedan, Hội nông dân các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh (đại diện theo ủy quyền cho nông dân). Ngày 09/8/2010, Công ty Vedan đã đồng ý bồi thường 45,7 tỷ đồng cho người dân Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh và 53,6 tỷ đồng cho Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau đó, gần 120 tỷ đồng là số tiền Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đề nghị Vedan bồi thường trong công văn ngày 21-6-2010 cũng được Vedan chấp nhận. Vedan đề nghị số tiền này được thanh toán làm 2 đợt: đợt 1 chuyển 50% trong vòng 7 ngày kể từ ngày tỉnh Đồng Nai có văn bản đồng ý, đợt hai chuyển từ ngày 10 đến ngày 14-01-2011. Số tiền thanh toán đợt hai sẽ được bảo lãnh của ngân hàng để bảo đảm thanh toán theo quy định.

Qua thực tiễn giải quyết các vụ việc nêu trên, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, cơ sở của việc giải quyết BTTH về môi trường chủ yếu dựa vào đơn thư khiếu tố của người dân đối với các cơ sở SX - KD làm ô nhiễm môi trường gây thiệt hại.

Thứ hai, nội dung chủ yếu là giải quyết BTTH đối với sức khỏe, tài sản của các tổ chức, cá nhân. Hầu như chưa có trường hợp nào giải quyết BTTH đối với môi trường tự nhiên.

Thứ ba, việc định giá thiệt hại chủ yếu dựa trên mức độ gây hại. Nếu là cơ sở sản xuất nhỏ, mức độ thiệt hại không lớn thì chủ yếu do Ủy ban nhân dân xã, cán bộ xã xác định và bên gây hại chấp nhận. Nhưng do cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp thường không có chuyên môn về môi trường, nên việc xác định thiệt hại nhiều khi là chưa thoả đáng. Đối với những vụ việc lớn thì thanh tra môi trường mời cơ quan chuyên môn (như Viện Tài nguyên và Môi trường, Viện nuôi trồng thuỷ sản...) để xác định thiệt hại, kinh phí để xác định thiệt hại lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

Thứ tư, vụ việc chủ yếu được giải quyết thông qua hoà giải tại Ủy ban nhân dân và các cơ quan hành chính, hầu như chưa có vụ việc nào được giải quyết hoàn chỉnh theo thủ tục tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền.

Thứ năm, trong hầu hết các trường hợp, tổ chức, cá nhân gây thiệt hại mới chỉ "hỗ trợ" cho người bị thiệt hại mà chưa thực hiện nguyên tắc "người gây thiệt hại phải trả giá" và "thiệt hại được bồi thường toàn bộ" của pháp luật dân sự và mới chỉ dừng lại ở yêu cầu BTTH về tài sản và sức khoẻ của người dân mà chưa giải quyết việc bồi thường đối với thiệt hại môi trường tự nhiên.

3.1.3. Những vụ việc điển hình đang trong quá trình giải quyết

a) *Vụ ô nhiễm dầu ở các tỉnh ven biển Việt Nam năm 2007* từ Hà Tĩnh đến Cà Mau và tại các đảo như Cù Lao Chàm, Côn Đảo, Bạch Long Vỹ... Quy mô của đợt ô nhiễm dầu là rất lớn và kéo dài, tác động nghiêm trọng tới môi trường biển, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của một số ngành công nghiệp.

b) *Công ty Tung Kuang gây ô nhiễm môi trường*: Ngày 14/4/2010, Cảnh sát môi trường của Bộ Công an đã bắt quả tang Công ty cổ phần Tung Kuang (100% vốn Đài Loan) ở huyện Cẩm Giàng, Hải Dương) xả nước thải ra sông Giẽ qua các ống xả ngầm với lưu lượng xả khoảng 250 m³/ngày; nước thải của Tung Kuang được xác định chưa qua xử lý, có chứa các chất độc hại, cao gấp 10 lần tiêu chuẩn cho phép so với quy định.

Trên thực tế hiện nay có nhu cầu rất lớn về yêu cầu giải quyết tranh chấp đòi BTTH trong lĩnh vực môi trường, nhưng khởi kiện ra Tòa án lại rất

hạn chế do gặp nhiều khó khăn trong việc xác định thiệt hại. Việc xác định thiệt hại trong lĩnh vực môi trường rất phức tạp và tốn kém, chi phí giám định cao, nên người bị thiệt hại ít có khả năng theo kiện. Trong cơ chế giải quyết tranh chấp BTTH về môi trường còn có một số mặt **hạn chế** sau đây:

Thứ nhất, chưa có các quy định cụ thể để phân biệt trách nhiệm khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm với trách nhiệm BTTH nên hiện tại còn có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau về hai loại trách nhiệm này. Vấn đề đặt ra là trách nhiệm khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm là loại trách nhiệm nào? Trách nhiệm hành chính hay là trách nhiệm dân sự?

Thứ hai, thiếu các quy định cụ thể để áp dụng giải quyết các tranh chấp đòi BTTH do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây nên. Mặc dù, trách nhiệm BTTH do làm ô nhiễm môi trường bởi các cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác đã được quy định tương đối rõ ràng trong Luật bảo vệ môi trường năm 2005, BLDS 2005 và các VBPL khác. Song các quy định này mới chỉ dừng lại ở tính nguyên tắc chung, việc áp dụng để giải quyết các tranh chấp môi trường còn bộc lộ nhiều bất cập. Trên thực tế, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường **rất khó xác định mức độ thiệt hại** cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm môi trường và thiệt hại xảy ra. **Chi phí** bỏ ra cho việc **giám định thiệt hại là rất lớn**. Chính vì thế rất khó tạo ra cơ sở thuyết phục cho việc thỏa thuận để giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Thứ ba, chưa có các quy định cụ thể để xác định tư cách của các bên tham gia tranh chấp nên còn có nhiều cách hiểu khác nhau về tư cách chủ thể của các bên tham gia tranh chấp. Trên thực tế có những thiệt hại về môi trường có thể do sự tác động đồng thời của nhiều người (nhiều người gây thiệt). Ngược lại, cùng một lúc có rất nhiều người chịu ảnh hưởng bởi chất lượng môi trường bị ô nhiễm (nhiều người bị hại). Rất khó xác định được ngay số lượng người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các bên, trong khi yêu cầu cơ bản để có thể phục hồi được quyền lợi hợp pháp của người bị hại là phải xác định được một cách chính xác bên nguyên bị hại.

Thứ tư, chưa có các quy định về **trách nhiệm của người đại diện** cho quyền lợi chung của cộng đồng, của Nhà nước để đòi BTTH đối với

các trường hợp làm ô nhiễm môi trường, gây thiệt hại cho các thành phần môi trường thuộc sở hữu của Nhà nước, mà Nhà nước chưa giao cho ai quản lý, sử dụng ổn định lâu dài hoặc các thành phần môi trường không thể phân chia như hệ sinh thái cảnh quan thiên nhiên, động vật hoang dã.

3.2. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường

3.2.1. Sự cần thiết tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường

Một loạt các vụ việc gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã xảy ra ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy ý thức bảo vệ môi trường của các cá nhân, tổ chức kể cả các cơ quan nhà nước còn chưa tốt, còn đặt lợi ích kinh tế của tổ chức lên trên lợi ích chung của cộng đồng. Sở dĩ có tình trạng này cũng là do pháp luật còn quy định chung chung, chưa cụ thể về vấn đề BTTH do làm ô nhiễm môi trường nói chung, về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoặc chủ thể khác có hành vi gây ô nhiễm môi trường nói riêng và công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan nhà nước thực hiện chưa tốt, pháp luật chưa được thực hiện nghiêm minh. Do đó, việc nghiên cứu, hoàn thiện thêm một bước các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về dân sự với những quy định cụ thể, rõ ràng hơn, đảm bảo cho người bị thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường có cơ sở đầy đủ, hợp pháp để yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là rất cần thiết.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật

Trên cơ sở các nghiên cứu nêu trên, tác giả mạnh dạn đề xuất hướng nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật BTTH do làm ô nhiễm môi trường về các nội dung sau đây:

Thứ nhất, cần quy định về **chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường** trong trường hợp thiệt hại là sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.

Thứ hai, xác định **nguyên tắc phân chia trách nhiệm** khi có nhiều người cùng có hành vi vi phạm pháp luật môi trường gây thiệt hại. Theo đó, khi có nhiều người cùng có hành vi xâm phạm môi trường thì tất cả

phải bị truy cứu theo pháp luật và cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo đúng mức độ hành vi gây thiệt hại của mình.

Thứ ba, cần quy định cụ thể về **xác định thiệt hại** đối với từng thành phần môi trường.

Thứ tư, **hoàn thiện các quy định pháp luật về các căn cứ để xác định mức độ thiệt hại**.

Bên cạnh hoàn thiện pháp luật về nội dung chúng ta cũng cần quan tâm đến pháp luật về tố tụng mà cụ thể ở đây là quy định về **nghĩa vụ chứng minh**.

Thứ năm, xây dựng một **hệ thống phương pháp để xác định mức độ thiệt hại** do ô nhiễm môi trường gây ra bởi đây chính là cơ sở pháp lý để truy cứu TNPL đối với người có hành vi xâm phạm môi trường và là căn cứ xác định mức độ BTTH do hành vi gây ô nhiễm môi trường mang lại.

Thứ sáu, cần thiết sửa đổi quy định về **thời hiệu khởi kiện** yêu cầu BTTH về môi trường. Theo quy định tại Điều 607 BLDS, có thể nhận thấy quy định về thời hiệu khởi kiện là 2 năm **kể từ ngày quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm** không bảo đảm quyền khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại, không bảo đảm được nguyên tắc thiệt hại phải được bồi thường kịp thời được quy định trong BLDS.

Thứ bảy, **gia nhập các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường**. Bảo vệ môi trường là vấn đề có tính toàn cầu, vì vậy cần tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường

Môi trường Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức. Hơn lúc nào hết, nước ta cần có chiến lược đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường cần quán triệt tư duy sau đây:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường ở nước ta cần đặt trong tổng thể các chính sách, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hay nói một cách khác, phải coi việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường như một bộ phận cấu thành không thể tách rời của chính sách định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, giải quyết cơ bản vấn đề phạm vi và đối tượng điều chỉnh của pháp luật bảo vệ môi trường. Phạm vi điều chỉnh của pháp luật bảo vệ môi trường phải gắn với quan điểm về phát triển bền vững, coi trọng cả việc phòng ngừa và xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Thứ ba, quy định đầy đủ và toàn diện các chế định mang tính nguyên tắc cơ bản trong Luật BBVMT, BLDS, đồng thời chú trọng đưa các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường vào các Luật chuyên ngành để bảo vệ hiệu quả các thành tố của môi trường.

Thứ tư, cần coi trọng hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật bảo vệ môi trường:

+ *Biện pháp xử lý hành chính:*

+ *Biện pháp xử lý hình sự:*

+ *Biện pháp dân sự: giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường.*

Thứ năm, coi trọng việc tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường.

Thứ sáu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường.

3.2.3.1. Cần chi tiết hóa về xác định thiệt hại đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm và thiệt hại xảy ra, đặc biệt là liên quan đến thẩm quyền xác định mối quan hệ nhân quả này.

Thứ hai, trong các thiệt hại do ÔNMT được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Bảo vệ môi trường 2005 thì không có một chữ nào ghi nhận về **thiệt hại về tinh thần**, thậm chí trong những nghiên cứu lớn cấp Bộ, cấp Nhà nước và trong các bài nghiên cứu chuyên sâu cũng không đã động gì đến loại thiệt hại này. Tác giả cho rằng đây là một thiếu sót bởi rõ ràng là có thiệt hại về tinh thần do hành vi làm ÔNMT hoặc tổn thất về tinh thần của những người thân thích của người chết do ÔNMT. Từ đó tác giả thiết nghĩ cũng cần bổ sung loại thiệt hại này so với hiện nay.

Thứ ba, cần nghiên cứu xác định rõ **thiệt hại thực tế về tài sản được tính**

như thế nào? Hiện chưa có quy định hướng dẫn thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc khai thác sử dụng cũng như về những chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại là như thế nào? Do vậy, trong quá trình giải quyết việc BTTH về tài sản do ÔNMT thường gặp khó khăn.

Thứ tư, trong trường **hợp thiệt hại về sức khỏe kéo dài** do hành vi làm ÔNMT dẫn đến người đó bị chết và thiệt hại về tính mạng do hành vi xâm phạm làm ô nhiễm môi trường. Đây là một trong những thiệt hại mang tính đặc thù của ÔNMT cũng cần phải được nghiên cứu làm rõ.

Thứ năm, theo tác giả **giả thẩm quyền xác định mối quan hệ nhân quả** giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại về sức khỏe là do cơ quan quản lý nhà nước về môi trường thực hiện là hợp lý.

3.2.3.2. Các biện pháp liên quan nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường có hiệu quả

Để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về BTTH do làm ô nhiễm môi trường, tác giả luận văn xin đưa ra một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tăng cường năng lực của các thiết chế liên quan đến giải quyết bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, xác định vai trò của UBND các cấp trong quá trình tham gia hoà giải, giải quyết yêu cầu BTTH do làm ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, xác định cụ thể các tổ chức, cá nhân có hoạt động tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn cho môi trường phải **mua bảo hiểm** trách nhiệm BTTH về môi trường.

Qua tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung, BLDS nói riêng, nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về trách nhiệm BTTH trong lĩnh vực môi trường cần làm tốt một số nội dung chủ chốt sau đây:

Một là, cần phải xác định rõ việc khôi phục lại hiện trạng môi trường như ban đầu là trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm BTTH trong dân sự? Theo tác giả, trách nhiệm BTTH và trách nhiệm khôi phục tình trạng môi trường là hai trách nhiệm pháp lý khác nhau. Do đó có thể thấy trách nhiệm BTTH về môi trường có mối quan hệ nhất định với trách nhiệm khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm.

Hai là, hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền của Nhà trong việc đòi BTTH. Dự thảo Nghị định hướng dẫn về XDTH về suy giảm chức năng tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT cũng chưa quy định cụ thể về vấn đề này.

Ba là, để đảm bảo sự công bằng trong áp dụng trách nhiệm BTTH về môi trường, tác giả cho rằng nếu người gây thiệt hại chứng minh được mức độ mà mình gây thiệt hại đối với môi trường là không đáng kể thì họ chỉ phải BTTH theo phân tương ứng với mức độ gây thiệt hại đó.

Bốn là, thời hạn áp dụng trách nhiệm BTTH trong lĩnh vực môi trường cũng là vấn đề còn nhiều tranh cãi. Pháp luật cần có các quy định mang tính linh hoạt hơn trong lĩnh vực này. Chẳng hạn như người gây thiệt hại đối với môi trường có thể bồi thường một lần hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian tối đa một số năm nhất định nào đó kể từ ngày áp dụng trách nhiệm BTTH.

3.2.3.3. Một số vấn đề có thể phát sinh trong thời gian tới

Thứ nhất, vấn đề án phí số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong trường hợp thỏa thuận thành và được thi hành thì có lấy số tiền được bồi thường để chi cho khoản tiền đã nộp tạm ứng án phí không?

Thứ hai, việc chi trả tiền bồi thường, **trong quá trình phân bổ này có thể xảy ra tranh chấp giữa các chủ thể có liên quan.**

Thứ ba, những trường hợp bị thiệt hại và chưa ủy quyền để thương lượng với công ty Vedan.

Thứ tư, vấn đề đòi bồi thường sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.

3.2.3.4 Giải pháp hoàn thiện

Từ thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường đã nêu trên, luận văn đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường. Để khắc phục những bất cập, vướng mắc của pháp luật và chính sách về bảo vệ môi trường tại Việt Nam trong thời gian tới cần phải:

1. Rà soát, đánh giá toàn bộ các quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và Luật Bảo vệ môi trường 2005 trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

2. Xây dựng Nghị định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường để khắc phục những bất cập của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP; Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT.

3. Xây dựng Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; Nghị định này thay thế Nghị định số 67/2003/NĐ-CP và Nghị định số 04/2007/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

4. Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 114/2006/TTLT-BTC-BTNMT của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên Môi trường về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

5. Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải nguy hại.

6. Sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam.

7. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết các quy định của Luật BVMT còn đang dừng lại ở mức quy định chung, mang tính nguyên tắc.

8. Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đa dạng sinh học như: Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đa dạng sinh học và một số văn bản khác nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Xây dựng các chính sách tăng cường các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng và hiệu quả với mục tiêu là để mọi người dân đều hiểu rõ nguyên nhân và tác hại của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và sức khỏe con người.

Tóm lại, trách nhiệm *BTTH* hại do hành vi xâm phạm môi trường trong là loại trách nhiệm pháp lý dân sự áp dụng đối với các tổ chức, cá

nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và gây thiệt hại. Để bảo vệ các giá trị môi trường cho cả cộng đồng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực môi trường, việc xây dựng và áp dụng đồng bộ các quy định pháp luật về BTTH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một đòi hỏi bức thiết cần sớm được giải quyết ở nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Vấn đề bảo vệ môi trường là công việc không phải của riêng cơ quan bảo vệ môi trường và những người thuộc các cơ quan bảo vệ môi trường, mà còn là trách nhiệm của toàn dân và suy rộng ra là trách nhiệm, bổn phận của mỗi một cá nhân trên toàn thế giới. Vì môi trường sống là của mọi người, theo đó mọi người đều có bổn phận, nghĩa vụ bảo vệ môi trường sống đó. Vì vậy, hành vi gây ô nhiễm môi trường không chỉ được quy định ở Luật BVMT mà còn được điều chỉnh bằng nhiều ngành luật như Luật hành chính, Luật hình sự và Luật dân sự. Nhưng những biện pháp phạt hành chính, phạt bổ sung theo quy định của Luật Hành chính và Luật Hình sự không phải là những biện pháp chế tài nhằm thay thế trách nhiệm dân sự của người có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại về môi trường, gây thiệt hại cho người khác về tài sản, sức khỏe, tính mạng.

Hơn nữa, những thiệt hại do môi trường bị ô nhiễm gây ra là những thiệt hại không đơn giản về vật chất mà còn là những thiệt hại ảnh hưởng đến môi trường sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ, chất lượng hàng hóa, lương thực, thực phẩm, dược phẩm, sức khỏe của con người không chỉ riêng của một đời, một thế hệ, một thời đại nào... Vì vậy, BTTH do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra theo quy định của pháp luật hiện hành chỉ là trách nhiệm dân sự đơn thuần và mang tính tương đối, không đúng với nguyên tắc chung của trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng là gây thiệt hại bao nhiêu thì phải bồi thường bấy nhiêu, bồi thường toàn bộ và kịp thời.

Bảo vệ môi trường là một quyền và nghĩa vụ của mọi người, kể cả người nước ngoài ở Việt Nam. Theo đó người làm ô nhiễm môi trường

cho dù là người Việt Nam hay người có quốc tịch nước ngoài gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam cũng đều có trách nhiệm BTTH như nhau, không phân biệt khả năng kinh tế và tình trạng quốc tịch của người có hành vi làm tổn hại đến môi trường.

Bên cạnh đó, vấn đề trách nhiệm BTTH do hành vi xâm phạm môi trường cần phải được xử lý triệt để theo những hướng giải quyết sau đây:

Một là, người có hành vi xâm phạm môi trường cho dù là cố ý hay vô ý đều có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại:

Thứ nhất, những chi phí làm trong sạch lại môi trường như tình trạng trước khi môi trường chưa bị xâm phạm.

Thứ hai, có trách nhiệm bồi thường toàn bộ những thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường đã gây thiệt hại cho chủ thể khác.

Thứ ba, có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại xác định được chắc chắn xảy ra trong tương lai dựa trên những căn cứ khoa học chuyên ngành xác định được.

Thứ tư, ngoài khoản tiền bồi thường theo trách nhiệm dân sự, theo nguyên tắc gây thiệt hại bao nhiêu phải bồi thường bấy nhiêu, người có hành vi xâm hại môi trường không phụ thuộc vào hình thức lỗi và mức độ lỗi, còn phải chịu phạt vi phạm hành chính, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tóm lại, với những ưu điểm, hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành về BTTH do làm ô nhiễm môi trường như đã nêu trên và thực trạng về BTTH do làm ô nhiễm môi trường cho thấy rằng, các quy định của pháp luật về vấn đề này còn chưa hoàn thiện, gây khó khăn không chỉ đối với các tổ chức, cá nhân yêu cầu bồi thường hoặc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình mà cho cả các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết vụ việc. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thêm một bước pháp luật về BTTH do làm ô nhiễm môi trường trong bối cảnh môi trường tiếp tục bị ô nhiễm, các hành vi gây ô nhiễm môi trường liên tiếp bị phát hiện, đang và sẽ vẫn là cần thiết để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.